

Số: 77/2025/CNTH-TB

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẤU GIÁ

Quyền sử dụng đất đối với 55 lô đất ở trên địa bàn xã Tượng Văn thuộc MBQH chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 1277/QĐ-UBND Ngày 27/5/2022 của UBND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- UBND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Tiểu khu Bắc Giang, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thông tin tài sản đấu giá:

- Quyền sử dụng đất ở trên địa bàn xã Tượng Văn thuộc MBQH chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 1277/QĐ-UBND Ngày 27/5/2022 của UBND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Thông tin cụ thể của các lô đất như sau:

3.1. Vị trí, diện tích:

* Vị trí: Khu đất đấu giá bao gồm 55 lô đất trên địa bàn xã Tượng Văn thuộc mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn tại xã Tượng Văn được UBND huyện Nông Cống phê duyệt tại Quyết định số 1277/QĐ-UBND Ngày 27/5/2022.

* Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 9.848,0 m², được chia thành 55 lô đất.

- Diện tích từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo*

3.2. Giá khởi điểm và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

* Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo.*

* Hiện trạng các lô đất đấu giá:

- San nền: Nền hiện trạng mặt bằng quy hoạch
- Đường quy hoạch: Đã có đường quy hoạch.
- Hệ thống thoát nước: Đã có.
- Vía hè: Đã có
- Đường điện: Đã có
- Đường ống cấp nước: Đã có

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.



5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

5.1. Tiền mua hồ sơ: Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/01 hồ sơ. Giá tiền mua hồ sơ là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 126.000.000 đồng đến 211.140.000 đồng/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp tại phiên đấu giá. Đấu giá một vòng duy nhất.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người đăng ký tham gia đấu giá trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người đăng ký tham gia đấu giá yêu cầu đấu giá tiếp) và áp dụng bước giá 1% cộng với mức giá trả cao nhất của vòng đấu trước để tổ chức đấu giá.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (*có dấu đỏ*), (*trong đó có thể hiện nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ do cấp có thẩm quyền quy định*);

- Bản sao Căn cước/Căn cước công dân (*Còn thời hạn*)

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật (*nếu có ủy quyền*).

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (*Trong giờ hành chính*):

+ Từ 07h00' ngày 28/4/2025 đến 17h00' ngày 12/5/2025 tại Trụ sở UBND xã Tượng Văn, huyện Nông Cống

+ Từ 07h00' ngày 28/4/2025 đến 17h00' ngày 13/5/2025 tại Trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia chi nhánh Thanh Hóa

*** Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 17h00' ngày 13/5/2025**

- **Xem tài sản (Trong giờ hành chính):** Liên tục trong 03 ngày: 07/5/2025; 08/5/2025 và 09/5/2025 tại thực địa khu đất điểm dân cư nông thôn tại xã Tượng Văn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH và thông báo, Quyết định được niêm yết tại UBND huyện Nông Cống; UBND xã Tượng Văn; trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia; Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:

Thời gian: từ 07h00' ngày 28/4/2025 đến 17h00' ngày 13/5/2025.

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa

+ Số tài khoản 3521201019003

+ Tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: “*Họ tên người đăng ký tham gia đấu giá, Số CC/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá tại xã Tượng Văn (Số lượng lô đất)*”.

+ Lưu ý: Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ trên thông tin số dư tài khoản hiển thị “**Báo có**” vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 17h00' ngày 13/5/2025. Trường hợp khoản tiền đặt trước về tài khoản của Công ty sau 17h00' ngày 13/5/2025 sẽ không hợp lệ.

- **Tổ chức phiên đấu giá:** Vào hồi 07h30' ngày 16/5/2025 – Thứ 6 tại Hội trường UBND xã Tượng Văn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

- Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Số điện thoại: 0237.3511969 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Công ĐG tài sản quốc gia – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa (đăng Q/C);
- UBND huyện Nông Cống (N/Y);
- UBND xã Tượng Văn (N/Y);
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.



Kiều Thị Lan

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 4 năm 2025

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất đối với 55 lô đất ở trên địa bàn xã Tượng Văn thuộc MBQH chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 1277/QĐ-UBND Ngày 27/5/2022 của UBND

huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Thông báo số: 77/2025/CNTH-TB ngày 25/4/2025

của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô đất)	Ghi chú
1	LK-B.01	195,5	5.400.000	1.055.700.000	200.000	211.140.000	Giáp 02 mặt đường
2	LK-B.02	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
3	LK-B.03	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
4	LK-B.04	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
5	LK-B.05	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
6	LK-B.06	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
7	LK-B.07	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
8	LK-B.08	225,0	4.500.000	1.012.500.000	200.000	202.500.000	
9	LK-B.09	225,0	3.600.000	810.000.000	100.000	162.000.000	
10	LK-B.10	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
11	LK-B.11	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
12	LK-B.12	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
13	LK-B.13	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
14	LK-B.14	193,5	5.400.000	1.044.900.000	200.000	208.980.000	Giáp 02 mặt đường
15	LK-B.15	176,0	4.500.000	792.000.000	100.000	158.400.000	
16	LK-B.16	176,0	4.500.000	792.000.000	100.000	158.400.000	
17	LK-C.01	195,5	5.400.000	1.055.700.000	200.000	211.140.000	Giáp 02 mặt đường
18	LK-C.02	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
19	LK-C.03	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
20	LK-C.04	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
21	LK-C.05	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
22	LK-C.06	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
23	LK-C.07	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
24	LK-C.08	175,0	4.950.000	866.250.000	100.000	173.250.000	Giáp 02 mặt đường
25	LK-C.09	175,0	4.950.000	866.250.000	100.000	173.250.000	Giáp 02 mặt đường

26	LK-C.10	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
27	LK-C.11	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
28	LK-C.12	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
29	LK-C.13	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
30	LK-C.14	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
31	LK-C.15	175,0	4.500.000	787.500.000	100.000	157.500.000	
32	LK-C.16	195,5	5.400.000	1.055.700.000	200.000	211.140.000	Giáp 02 mặt đường
33	LK-C.17	176,0	3.600.000	633.600.000	100.000	126.720.000	
34	LK-C.18	176,0	3.600.000	633.600.000	100.000	126.720.000	
35	LK-C.19	193,5	4.320.000	835.920.000	100.000	167.184.000	Giáp 02 mặt đường
36	LK-C.20	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
37	LK-C.21	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
38	LK-C.22	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
39	LK-C.23	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
40	LK-C.24	175,0	3.960.000	693.000.000	100.000	138.600.000	Giáp 02 mặt đường
41	LK-C.25	175,0	3.960.000	693.000.000	100.000	138.600.000	Giáp 02 mặt đường
42	LK-C.26	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
43	LK-C.27	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
44	LK-C.28	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
45	LK-C.29	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
46	LK-C.30	193,5	5.400.000	1.044.900.000	200.000	208.980.000	Giáp 02 mặt đường
47	LK-C.31	176,0	4.500.000	792.000.000	100.000	158.400.000	
48	LK-C.32	176,0	4.500.000	792.000.000	100.000	158.400.000	
49	LK-G.02	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
50	LK-G.03	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
51	LK-G.04	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
52	LK-G.05	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
53	LK-G.06	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
54	LK-G.07	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
55	LK-G.08	175,0	3.600.000	630.000.000	100.000	126.000.000	
Tổng 55 lô đất		9.848,0		41.614.020.000		8.322.804.000	



